

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 3 - 2018

“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm: Ông Huỳnh Minh Bền

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2018 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2018 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thanh S** – sinh năm 1974 (có mặt)

Trú tại: Số 122, ấp 3, xã V, thành phố C, tỉnh C

2. *Bị đơn:* Chị **Tô Bích N** - sinh năm 1980 (vắng mặt)

Trú tại: Số 144, ấp 2, xã V, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Nguyễn Thanh S trình bày như sau:

Hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện kết hôn năm 2003. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố C. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh S yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 người tên Nguyễn Thanh H (nam) – sinh ngày 15/9/2004 và Nguyễn Ngọc H1 (nữ) – sinh ngày 12/8/2007. Hiện hai con đang chung sống với chị N, anh S giao hai con cho chị N nuôi dạy, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 1.000.000 đồng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 23/3/2017, chị Tô Bích N trình bày:

Chị N thừa nhận lời trình bày của anh S là đúng. Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S, chị N đồng ý nhận nuôi hai con và có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 1.000.000 đồng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C.

[2] Về hôn nhân: Anh S với chị N tự nguyện kết hôn với nhau năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố C nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ.

Thấy rằng, thời gian đầu năm 2017 giữa anh S với chị N có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà vợ chồng không thể hàn gắn được, tại phiên tòa anh S vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị N, ngược lại tại bản tự khai ngày 23/3/2018 chị N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S với chị N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của anh S về việc được ly hôn với chị N.

[3] Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Thanh H (nam) – sinh ngày 15/9/2004 và Nguyễn Ngọc H1 (nữ) – sinh ngày 12/8/2007. Hiện hai con đang chung sống với chị N, anh S đồng ý giao hai con cho chị N nuôi dạy, chị N đồng ý nhận nuôi cả hai con. Tại biên bản ghi ý kiến cháu H và cháu H1 ngày 23/3/2018 thì các cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng chị N. Để không làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh S và chị N, giao cháu H và H1 cho chị N tiếp tục nuôi dạy.

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, sau khi vợ chồng ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con hàng tháng, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/con đến khi các con đủ 18 tuổi xét thấy là phù hợp nên được ghi nhận.

Anh S không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân gia đình, án phí cấp dưỡng anh S phải nộp theo quy định.

[7] Về thủ tục tố tụng: chị N vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với chị N

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Tô Bích N.

Áp dụng các 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S.

- *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Thanh S được ly hôn với chị Tô Bích N.
- *Về con chung*: Giao 02 con tên Nguyễn Thanh H (nam) – sinh ngày 15/9/2004 và Nguyễn Ngọc H1 (nữ) – sinh ngày 12/8/2007 hiện đang sống với chị N cho chị N tiếp tục nuôi dạy.

Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng với số tiền 1.000.000đồng/con, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh S không trực tiếp nuôi hai con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- *Tài sản chung*: Không xem xét.

- *Về nợ chung*: Không xem xét.

Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 26/01/2018 anh S đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C theo biên lai thu tiền số 0000293 nên được chuyển thu án phí.

Án phí cấp dưỡng anh S phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

Án xử sơ thẩm, anh S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố C, tỉnh C.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tp.C;
- Chi cục THADS tp.C;
- UBND xã V, tp.C;
- Các đương sự;
- HSVA;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Việt Trung

